

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04 /7/2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Lê Văn Tám;

2/- Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 170/2022/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Võ Thị Kiều T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: khu phố B, phường C, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: ông Trần Văn C, sinh năm 1977.

Địa chỉ: khu phố B, phường C, thị xã L, tỉnh Tiền Giang.

Bà T và ông C vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kiều T trình bày: Bà và ông Trần văn C kết hôn vào ngày 03/6/2004 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng giữa năm 2005 phát sinh mâu thuẫn do anh C không có trách nhiệm với gia đình, thường hay uống rượu say về gây sự với vợ con làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc; vợ chồng đã ly thân nhiều lần rồi hàn gắn lại nhưng anh C không thay đổi, đến nay thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn tình cảm nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Cho bà được ly hôn với ông Trần Văn C.

- Về con chung: bà và ông C có 02 con chung tên Trần Ngọc Lan A sinh ngày 21/6/2004 và Trần Minh N sinh ngày 19/11/2012. Ly hôn bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho.

- Tài sản chung, nợ chung: không có.

* Bị đơn ông Trần Văn C không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt tại phiên hòa giải đoàn tụ.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn bà Võ Thị Kiều T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
- Bị đơn ông Trần Văn C vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Kiều T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Võ Thị Kiều T là nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà T.

Ông Trần Văn C là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông C.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Giữa bà Võ Thị Kiều T và ông Trần Văn C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Theo đơn khởi kiện, bà Võ Thị Kiều T xác định cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông Trần Văn C không có hạnh phúc do ông C không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng hay cự cãi nhau làm cho cuộc sống chung không hạnh phúc.

Ông Trần Văn C đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ và vắng mặt tại phiên tòa, chứng tỏ ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa ông với bà T.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Võ Thị Kiều T và ông Trần Văn C là trầm trọng kéo dài không còn khả năng hàn gắn được nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông C là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung:

Bà T đã giao nộp bản sao giấy khai sinh chứng minh 02 cháu Trần Ngọc Lan A sinh ngày 21/6/2004 và Trần Minh N sinh ngày 19/11/2012 là con chung giữa bà và ông Trần Văn C; cháu Lan A và N có bản khai trình bày nguyện vọng được sống chung bà T.

Ông C không có văn bản thể hiện ý kiến về việc nuôi con chung và cấp dưỡng cho con.

Thấy rằng: yêu cầu nuôi con chung của bà T là phù hợp theo nguyện vọng của con chung, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghĩa vụ cấp dưỡng: bà T chưa yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con là trên C sở tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung:

Bà T không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí:

Bà T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận cho bà Võ Thị Kiều T được ly hôn với ông Trần Văn C.

2. Con chung:

Giao 02 con chung tên Trần Ngọc Lan A sinh ngày 21/6/2004 và Trần Minh N sinh ngày 19/11/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà T chưa yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con.

Ông C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản.

3. Án phí:

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002459 ngày 31/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên bà T không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo:

Bà T và ông C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- Các đường sự;
- UBND Phường 4, TX Cai Lậy;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hồ Thị Ánh Tuyết